

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Huyền

2. Ông Phạm Hoàng Tuấn

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H5; Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà A, đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng H5.

Người đại diện theo ủy quyền: - Ông Nguyễn Minh T - Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng H5 chi nhánh P. Địa chỉ: Số nhà A, đường H, phường G, thành phố V, tỉnh P.

- Ông Nguyễn Đức T1 - Chức vụ: Phó phòng giao dịch số 02 Ngân hàng H5 chi nhánh P. Địa chỉ: Số A A, khu N, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

(Theo Quyết định số 01A/2020/QĐ - NHHT ngày 10/01/2020 do chủ tịch HĐQT Ngân hàng H5 ký).

- Bị đơn: Ông Lưu Văn T2, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1974; Đều có địa chỉ: Khu F, thị trấn P, huyện P, Tỉnh P.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khu F, thị trấn P, huyện P, tỉnh

P.

2. Ông Lưu Văn B, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu F, thị trấn P, huyện P, tỉnh

P.

3. Bà Lưu Thị H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu F, thị trấn P, huyện P, tỉnh

P.

4. Ông Lưu Văn M, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu F, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

5. Bà Lưu Thị T3, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh

P.

6. Bà Lưu Thị H2, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu F, thị trấn P, huyện P, tỉnh

P.

7. Bà Lưu Thị H3, sinh năm 1977; Địa chỉ: khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh

P.

Đại diện theo uỷ quyền của bà H, ông B, bà H1, ông M, bà T3, bà H2, bà H3: Ông Lưu Văn T2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu F, thị trấn P, huyện P, Tỉnh P.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Đức T1 là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng H5 và bị đơn ông Lưu Văn T2 đồng thời là Đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H, ông Lưu Văn B, bà Lưu Thị H1, ông Lưu Văn M, bà Lưu Thị T3, bà Lưu Thị H2, bà Lưu Thị H3 và bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh L thống nhất xác định đến ngày 25/6/2025 ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L còn nợ Ngân hàng H5 số tiền 570.064.140 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu không trăm sáu mươi tư nghìn một trăm bốn mươi đồng) tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số: THHPN00013 ngày 30/10/2015 được ký kết giữa Ngân hàng H5 - chi nhánh P- Phòng G và ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L.

Ông Nguyễn Đức T1, ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L thống nhất thoả thuận: Ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H5 số tiền là 570.064.140 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu không trăm sáu mươi tư nghìn một trăm bốn mươi đồng)

Về thời hạn trả nợ và phương án trả nợ như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 25/7/2025 ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H5 số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng)

+ Lần thứ hai: Vào ngày 24/10/2025 ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H5 số tiền 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng)

+ Lần thứ ba: Vào ngày 23/01/2026 ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H5 số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

+ Lần thứ tư: Vào ngày 24/4/2026 ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H5 số tiền 200.064.140 đồng (Hai trăm triệu không trăm sáu mươi tư nghìn một trăm bốn mươi đồng) cùng toàn bộ chi phí phát sinh khác.

Trong trường hợp ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ bất kỳ lần trả nợ nào, Ngân hàng H5 có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 1.038m² đất (Trong đó: Đất ở: 200m², đất trồng cây lâu năm: 838m²) tại: Khu F, TT P, Huyện P, Tỉnh P; vị trí ô đất: thửa đất số: 284; tờ bản đồ số: 22 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 080350 do UBND Huyện P cấp ngày: 29/08/2008 đứng tên bà Phùng Thị M1 và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 011.031.15.00892/HSTD ngày 23/10/2015 giữa PGD số 2 - N chi nhánh P với ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Đức T1, ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L thống nhất thỏa thuận ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.300.000đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng). Xác nhận việc ông T2, bà L đã trả đủ cho Ngân hàng H5 số tiền 8.300.000đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng) theo giấy biên nhận tiền ngày 25/6/2025 giữa ông Nguyễn Đức T1 và ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L.

Về án phí dân sự: Ông Lưu Văn T2, bà Nguyễn Thị Thanh L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 26.802.565đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm linh hai nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng)

Trả lại cho Ngân hàng H5 số tiền 20.800.000đồng (Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0001366 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P do bà Lê Thị Thúy H4 nộp thay.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hưng